

Số: 506/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 23 tháng 5 năm 2016

**BÁO CÁO**  
**TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI**  
**THÁNG 5 NĂM 2016**

**I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại:**

**1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp:**

**1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:**

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 5/2016 tăng 3,57% so với tháng trước và tăng 12,17% so với tháng cùng kỳ năm trước (đây là tháng có mức tăng trưởng cao nhất so với các tháng từ đầu năm đến nay). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng khá, tăng 15,16%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 4,4%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,31%. Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 2,03% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung chỉ số sản xuất công nghiệp trong 5 tháng đầu năm 2016 tăng 7,22% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2015 (+11,7%). Trong đó: Công nghiệp khai khoáng tăng 4,39%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 8,5%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 1,07%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

**1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Tháng 5/2016, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng cao so với tháng cùng kỳ năm trước như: Tinh bột sắn tăng 82,82%; điện sản xuất tăng 80%; bia dạng lon tăng 64,93%; tấm lợp pro xi măng tăng 39,64%; gỗ cưa, gỗ xẻ tăng 33,1%; đồ uống không cồn, nước khoáng tăng 23,31%; lốp xe các loại tăng 21,92%. Một số sản phẩm duy trì ở mức tăng ổn định như: Săm xe các loại tăng 6,96%; xi măng Protland đen tăng 3,9%; ván ép tăng 3,01%; điện thương phẩm tăng 1,97%; gạch xây tăng 1,74%; đá xây dựng tăng 0,74%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng Inmenit và tinh quặng Inmenit giảm 96,45%; dầu nhựa thông giảm 69,61%; phân bón NPK giảm 63,59%; quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 26,05% so với tháng cùng kỳ năm trước.

**2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:**

**2.1 Lĩnh vực thương mại:**

Tháng 5/2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ có mức tăng thấp, ước đạt 1887,45 tỷ đồng, tăng 2,55% so với tháng trước và tăng 4,67% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó:

**2.1.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa tháng 5/2016 ước đạt 1624,77 tỷ đồng, tăng 2,43% so với tháng trước và tăng 4,69% so với tháng cùng kỳ năm trước. Tính chung 5 tháng đầu năm 2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 7894,59 tỷ đồng, mức tăng chỉ đạt 5,63% so với cùng kỳ năm trước.

### *2.1.2. Doanh thu dịch vụ*

Tháng 5/2016, mặc dù trùng với dịp lễ hội, nhưng các hoạt động vui chơi giải trí diễn ra khá trầm lắng, hoạt động lưu trú, ăn uống chững lại; do bị ảnh hưởng bởi hiện tượng cá chết bất thường dọc biển miền trung nên hoạt động du lịch có xu hướng giảm mạnh. Cụ thể: Doanh thu lưu trú và ăn uống ước đạt 194,04 tỷ đồng, chỉ tăng 5,04%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 1,52 tỷ đồng, giảm mạnh (-62,53%); doanh thu dịch vụ khác đạt 67,13 tỷ đồng, tăng 7,48% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính từ đầu năm 2016, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 9170,03 tỷ đồng, tăng 5,67% so với cùng kỳ năm trước.

## **2.2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu:**

Bước sang tháng 5/2016, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa có cải thiện so với tháng trước, tuy nhiên tính từ đầu năm đến nay hoạt động xuất nhập khẩu tiếp tục có xu hướng giảm do tình hình thị trường vẫn còn khó khăn.

### **2.2.1. Xuất khẩu:**

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 5/2016 ước đạt 16,077 triệu USD, tăng 2,13% so với tháng trước, tuy nhiên lại giảm so với tháng cùng kỳ năm trước (-13,96%). Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Hàng rau quả ước đạt 3,64 triệu USD; sản và các sản phẩm từ sản ước đạt 2,4 triệu USD; gỗ ước đạt 7,329 triệu USD.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2016, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 66,374 triệu USD, giảm 6,19% so với cùng kỳ năm trước; Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 19,075 triệu USD, tăng 56,53%; kinh tế tư nhân ước đạt 44,235 triệu USD, giảm 18,98%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 3,064 triệu USD, giảm 22,82%.

### **2.2.2. Nhập khẩu:**

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 5/2016 ước đạt 11,501 triệu USD, tăng 1,35% so với tháng trước và giảm 13,85% so với tháng cùng kỳ năm trước. Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: Hàng rau ước đạt 3,08 triệu USD; gỗ và sản phẩm từ gỗ 7,227 triệu USD.

Tính chung 5 tháng đầu năm 2016, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 48,103 triệu USD, giảm 15,33% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 2,4 triệu USD, tăng 43,18%; kinh tế tư nhân ước đạt 44,196 triệu USD, giảm 16,41%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 1,503 triệu USD, giảm 33,38%.

## **3. Chỉ số giá tiêu dùng:**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 5/2016 tăng 0,77% so tháng trước (đây là tháng thứ ba chỉ số CPI tăng từ đầu năm đến nay). Nguyên nhân chủ yếu là do giá xăng, dầu liên tiếp được điều chỉnh tăng vào ngày 05/5 và ngày 20/5/2016 làm cho nhóm hàng giao thông có tăng mạnh 2,17%; tiếp đến là nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,26%; nhóm hàng nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,37%; nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,05%. Duy nhất nhóm

hàng văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,16%. Các nhóm hàng còn lại như: Thuốc và dịch vụ y tế, bưu chính viễn thông, giáo dục và đồ uống thuốc lá không tăng, không giảm.

Nhìn chung, chỉ số giá tiêu dùng tháng 5/2016 tăng 2,81% so với tháng 12 năm trước và tăng 1,73% so với tháng cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 5 tháng đầu năm 2016, tăng 0,66% so với bình quân cùng kỳ năm trước.

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội nghị thẩm định Đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 tỷ lệ 1/10.000; Hiện UBND đã trình HĐND tỉnh thông qua Đồ án (Công văn số 1803/UBND-CN ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh) và trình Bộ Xây dựng thẩm định Đồ án (Tờ trình số 1802/TTr-UBND ngày 18/5/2016 của UBND tỉnh).

- Tham mưu đề xuất UBND tỉnh bố trí vốn lập Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Tổ chức nghiệm thu (đợt 1) Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam đến năm 2035; Tham mưu UBND tỉnh chuẩn bị nội dung làm việc với Ban thường vụ Tỉnh uỷ về các dự án động lực tại Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị.

- Xây dựng Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia 2016-2017; Đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm nhằm cải thiện chỉ số PCI của ngành năm 2016.

- Đôn đốc tư vấn hoàn chỉnh Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh đến năm 2020; Lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2025; Làm việc với Sở Tài chính về dự toán để lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức kiểm tra thực địa và thẩm định Hồ sơ thành lập Cụm công nghiệp Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, hiện đang trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Tham mưu UBND tỉnh thành lập Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh lần thứ 3, năm 2016; Tổ chức họp Tổ chuyên môn và Hội đồng bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh.

- Tổ chức đánh giá và thẩm định Đề án khuyến công tỉnh (đợt 1/2016); Tiếp tục triển khai các đề án khuyến công quốc gia năm 2016.

- Thỏa thuận hướng tuyến đường dây 110kV, 22kV Triệu Phong thuộc Dự án cấp điện nông thôn tỉnh Quảng Trị; Trình UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cấp điện (gói số 2) thuộc dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 – 2020.

- Đối với phương án cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ, đến nay, Bộ Tài Chính, Bộ Kế hoạch Đầu tư đã có văn bản tham gia ý kiến về phương án cấp điện<sup>1</sup> và UBND tỉnh đã tổ chức lấy ý kiến Bộ Tư lệnh Quân khu 4 về phương án cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ.

<sup>1</sup> Văn bản số 5935/BTC-ĐT ngày 04/5/2016 của Bộ Tài chính và Văn bản số 3037/BKHĐT-KTCN ngày 25/4/2016 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về phương án cấp điện cho huyện đảo Cồn Cỏ.

- Thực hiện các công tác chuẩn bị kiểm tra liên ngành về điều kiện kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; Chuẩn bị nội dung làm việc với Bộ Công Thương về tình hình thực hiện quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu dọc tuyến quốc lộ 1 đến năm 2020, có xét đến năm 2025; Tổ chức khảo sát địa điểm đầu tư dự án cửa hàng xăng dầu và Trạm dừng nghỉ tại Khu Dịch vụ - Du lịch Trường Sơn.

- Hoàn chỉnh và gửi Sở Tư pháp thẩm định Quy chế phối hợp về quản lý nhà nước đối với hoạt động bán hàng đa cấp; Quy định về quy trình chuyển đổi mô hình quản lý, kinh doanh, khai thác chợ trên địa bàn tỉnh để trình UBND tỉnh phê duyệt; Trình UBND tỉnh phê duyệt Quy định chính sách hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chợ nông thôn trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo công tác kiểm tra thị trường tiêu thụ hải sản; Kiểm tra nắm tình hình thu mua và tiêu thụ hải sản khai thác ở vùng biển an toàn; Tổ chức họp bàn và thống nhất phương án giải quyết đầu ra cho sản phẩm chế biến thủy, hải sản trên địa bàn huyện Gio Linh.

- Hướng dẫn doanh nghiệp trong ngành tổ chức đưa hàng Việt về nông thôn, vùng sâu vùng xa năm 2016; Giám sát công tác tổ chức Hội chợ và chương trình đăng ký thực hiện khuyến mại trên địa bàn.

- Phối hợp đơn vị đào tạo triển khai tập huấn Công thông tin xuất nhập khẩu Quảng Trị; Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đề án xúc tiến thương mại năm 2016.

- Tiếp tục xây dựng và hoàn chỉnh Kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2016; Kế hoạch hội nhập và hợp tác kinh tế quốc tế của tỉnh năm 2016 để triển khai thực hiện..

- Chuẩn bị nội dung và làm việc với MI về dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng Mékông” tại Quảng Trị; Làm việc với Bộ Công Thương về dự án Luật Ngoại Thương.

- Báo cáo Sở Tư pháp về sơ kết 3 năm xử lý vi phạm hành chính và thi hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

- Tổ chức tập huấn Luật Điện lực sửa đổi, bổ sung và các quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực tại huyện Vĩnh Linh.

- Chỉ đạo hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm; Trình thẩm định và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Chi cục Quản lý thị trường tỉnh.

- Hoàn chỉnh và UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính đã chuẩn hóa đối với lĩnh vực công thương thuộc thẩm quyền giải quyết tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; Báo cáo Sở Nội vụ về chất lượng đội ngũ công chức phụ trách công tác cải cách hành chính của Sở.

- Tổ chức thành công các hoạt động kỷ niệm 65 năm ngày truyền thống ngành Công Thương, đón nhận Huân chương lao động Hạng Nhì và danh hiệu “Đơn vị văn hóa xuất sắc”.

- Liên hệ và tổ chức làm việc với UBND huyện Triệu Phong về kế hoạch phát triển công nghiệp - thương mại năm 2016.

### III. Một số công tác trọng tâm tháng 6 năm 2016

- Tiếp tục tổ chức làm việc với các huyện, thị bàn về công tác phối hợp phát triển công nghiệp - thương mại tại địa phương.
- Đôn đốc Viện Quy hoạch đô thị nông thôn Việt Nam lập Quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam Quảng Trị.
- Đôn đốc đơn vị tư vấn hoàn chỉnh Đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị đến năm 2035 và tầm nhìn đến 2050; Tổ chức nghiệm thu (đợt 2) khối lượng hoàn thành đồ án Quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế Đông Nam đến năm 2035.
- Hoàn chỉnh và ban hành Chương trình hành động của ngành Công Thương thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 2016-2020 theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI.
- Hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư vào Khu Đông Nam; Tham mưu xúc tiến đầu tư các dự án công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.
- Tổ chức ký Hợp đồng triển khai thực hiện các đề tài khoa học công nghệ năm 2016; Phối hợp Sở Khoa học công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt đề cương và dự toán để triển khai thực hiện 02 đề tài khoa học công nghệ năm 2016 được UBND tỉnh giao.
- Kiểm tra về tình hình sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; Kiểm tra biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất tại các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của ngành.
- Tổ chức lấy ý kiến tham gia và tiếp thu chỉnh lý đối với Dự thảo Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020; Triển khai lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2025 có xét đến 2035.
- Tiếp tục triển khai các đề án khuyến công quốc gia và đề án khuyến công tỉnh năm 2016; Triển khai kế hoạch điều tra năng lực sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch khảo sát năng lực sản xuất, sửa chữa của các doanh nghiệp công nghiệp trên địa bàn tỉnh.
- Triển khai lựa chọn nhà thầu xây dựng gói thầu số 2 thuộc Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014 – 2020.
- Tổ chức Đoàn kiểm tra liên ngành về tình hình chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh xăng dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng; Triển khai Nghị định số 19/2016/NĐ – CP ngày 22/3/2016 của Chính phủ về kinh doanh khí và hướng dẫn của Bộ Công Thương về kinh doanh khí cho các doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh khí trên địa bàn tỉnh.
- Kiểm tra công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại trên tuyến biên giới và khảo sát nắm tình hình hoạt động thương mại biên giới cửa tỉnh; Chỉ đạo các ngành, lực lượng chức năng tăng cường công tác kiểm tra, xử lý hành vi buôn lậu, gian lận thương mại trong nhập khẩu xe và linh kiện lắp ráp xe hai bánh chạy điện.
- Thực hiện các nội dung liên quan đến Chương trình xúc tiến thương mại năm 2016; Phối hợp tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu với một số địa phương.

- Tham mưu triển khai nhiệm vụ xây dựng Đề án phát triển xuất khẩu hàng hóa của tỉnh; Hỗ trợ Viện MI triển khai dự án “Nâng cao năng lực hướng tới phát triển toàn diện và bình đẳng tiểu vùng Mêkông” tại Quảng Trị; Triển khai Kế hoạch phát triển thương mại điện tử năm 2016.

- Triển khai Kế hoạch Hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh năm 2016; Khảo sát thông tin hội nhập quốc tế của tỉnh.

- Chuẩn bị nội dung thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về an toàn điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Triển khai tập huấn Luật Điện lực sửa đổi, bổ sung và các quy định mới về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực tại thành phố Đông Hà; Tiếp tục liên hệ, tổ chức tập huấn tuyên truyền, phổ biến pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính năm 2016 tại các đơn vị đã đăng ký.

- Triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập và Kế hoạch số 4523/KH-UBND ngày 19/01/2015 của UBND tỉnh; Ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ.

- Triển khai thực hiện phần mềm “một cửa điện tử” tại Sở và các hoạt động duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 của Sở.

- Hoàn chỉnh Dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế về tổ chức và hoạt động của Bộ phận tiếp nhận và Trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Công Thương.

- Xây dựng Danh mục hồ sơ, tài liệu của các phòng thuộc Sở trình phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 5 năm 2016 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 6 năm 2016; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

#### **Nơi nhận:**

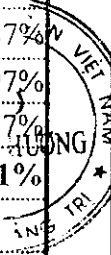
- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGĐ Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *vt*

KT. GIÁM ĐỐC *th*  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Nguyễn Hữu Hưng

**BÁO CÁO THÔNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
**Tháng 5 năm 2016**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
1	Sản lượng một số SP, công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
i	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	26,04	41,67	277,71	1174,48	4609,48	160,00%	3,55%	6,02%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	221,98	252,75	1574,73	341,76	1525,76	113,86%	73,95%	103,75%
3	Đá xây dựng	m <sup>3</sup>	68520	68150	326990	67650	314624	99,46%	100,74%	103,93%
4	Tinh bột sắn	Tấn	11850,94	11320,75	53275,47	6192,45	42332,08	95,53%	182,82%	125,83%
5	Bia dạng lon	1000 lít	1456,85	1850	5661,48	1121,70	6146,62	126,99%	164,93%	92,11%
6	Đồ uống không cồn, nước khoáng	1000 lít	853,92	870	4706,76	705,53	4207,49	101,88%	123,31%	111,87%
7	Gỗ cửa, gỗ xẻ	m <sup>3</sup>	5020	5710	31254	4290	35202	113,75%	133,10%	88,78%
8	Ván ép (gỗ MDF)	m <sup>3</sup>	6134	6500	31467	6310	31017	105,97%	103,01%	101,45%
9	Dầu nhựa thông	Tấn	142,79	58	441,26	189,56	660,72	40,34%	30,39%	66,78%
10	Colophan, axit nhựa cây và các dẫn xuất	Tấn	646,81	500	2445,87	784,33	2753,63	77,30%	63,75%	88,82%
11	Phân bón NPK	Tấn	2539	2500	14247	6867	21130	98,46%	36,41%	67,43%
12	Lốp xe các loại	1000 cái	119,22	150	654,21	123,03	527,33	125,82%	121,92%	124,06%
13	Săm xe các loại	1000 cái	321,44	360	1536,29	336,58	1238,66	112,00%	106,96%	124,03%
14	Gạch xây	1000 viên	13560	13450	64496	13220	63000	99,19%	101,74%	102,37%
15	Xi măng Protland đen	Tấn	27688	28000	127146	26950	122709	101,13%	103,90%	103,62%
16	Tấm lợp pro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	535,85	524,69	2254,37	375,75	1616,85	97,92%	139,64%	139,43%
17	Điện sản xuất	Triệu Kwh	15,93	27	105,93	15	108	169,45%	180,00%	98,09%
18	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	41	41,50	204,89	40,70	184,31	101,22%	101,97%	111,17%
19	Nước uống được	1000 m <sup>3</sup>	924	960	4389,54	957,40	4231,70	103,90%	100,27%	103,73%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
III	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ	Tỷ đồng	1840,57	1887,45	9170,03	1803,26	8678,05	102,55%	104,67%	105,67%
*	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	Tỷ đồng								
1	Kinh tế Nhà nước	"	111,35	113,22	519,91	151,72	667,09	101,67%	74,63%	77,94%
2	Kinh tế tập thể	"	0,06	0,06	0,33	0,12	0,35	101,59%	55,65%	94,07%
3	Kinh tế cá thể	"	1082,09	1118,13	5611,23	1094,19	5292,82	103,33%	102,19%	106,02%
4	Kinh tế tư nhân	"	647,06	656,04	3038,55	557,24	2717,78	101,39%	117,73%	111,80%
*	<i>Theo ngành kinh tế</i>	Tỷ đồng								
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	"	1586,18	1624,77	7894,59	1551,98	7473,81	102,43%	104,69%	105,63%
2	Dịch vụ lưu trú và ăn uống	"	186,31	194,04	914,90	184,72	864,16	104,15%	105,04%	105,87%
3	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	2,24	1,52	8,08	4,05	13,71	67,77%	37,47%	58,97%
4	Dịch vụ khác	"	65,84	67,13	352,45	62,45	325,82	101,95%	107,48%	108,17%
III	Xuất khẩu (KH: 217 triệu USD)	Triệu USD	15,741	16,077	66,374	18,686	70,753	102,13%	86,04%	93,81%
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>									
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	5,728	6,65	19,075	2,362	12,186	116,10%	281,54%	156,53%
1,2	Kinh tế Tư nhân	"	9,34	8,777	44,235	15,609	54,597	93,97%	56,23%	81,02%
1,3	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	"	0,673	0,65	3,064	0,715	3,970	96,58%	90,91%	77,18%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>									
1	Hàng thủy sản	"	-	-	-	-	-	-	-	-
2	Hàng rau quả	"	3,420	3,640	19,348	5,261	12,504	106,43%	69,19%	154,73%
3	Cà phê	"	0,332	0,275	2,625	0,065	1,709	82,83%	423,08%	153,60%
4	Sắn và các sản phẩm từ sắn	"	1,978	2,400	9,008	1,629	8,995	121,33%	147,33%	100,14%
5	Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	"	0,163	0,188	0,818	1,740	2,563	115,34%	10,80%	31,92%
6	Quặng và khoáng sản khác	"	-	-	-	0,964	2,298	-	-	-





TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
7	Phân bón các loại	"	0,510	0,250	1,023	0,481	1,525	49,02%	51,98%	67,08%
8	Sản phẩm từ chất dẻo	"	-	-	-	0,863	4,551	-	-	-
9	Cao su	"	-	-	0,887	2,241	2,351	-	-	37,73%
10	Gỗ	"	7,210	7,329	23,573	4,389	28,316	101,65%	166,99%	83,25%
11	Sắt thép	"	0,084	0,055	0,253	0,158	1,008	65,48%	34,81%	25,10%
12	Phương tiện vận tải và phụ tùng	"	0,673	0,650	3,064	0,715	3,970	96,58%	90,91%	77,18%
13	Điện	"	0,250	0,250	1,650	0,18	0,963	100,00%	138,89%	171,34%
14	Hàng hóa khác	"	1,028	1,035	4,027	-	-	100,68%	-	-
<b>IV</b>	<b>Nhập khẩu (KH: 240 triệu USD)</b>	<b>Triệu USD</b>	<b>11,348</b>	<b>11,501</b>	<b>48,103</b>	<b>13,35</b>	<b>56,81</b>	<b>101,35%</b>	<b>86,15%</b>	<b>84,67%</b>
	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>	"								
1	Kinh tế Nhà nước	"	0,737	0,75	2,40	0,467	1,679	101,76%	160,60%	143,18%
2	Kinh tế tư nhân	"	10,319	10,525	44,196	12,514	52,875	102,00%	84,11%	83,59%
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	0,292	0,226	1,503	0,369	2,256	77,40%	61,25%	66,62%
	<i>Phân theo mặt hàng chủ yếu</i>	"								
1	Sữa và các sản phẩm từ sữa	"	-	-	-	0,12	1,368	-	-	-
2	Hàng rau	"	3,154	3,08	19,027	5,266	13,474	97,65%	58,49%	141,21%
3	Cloth	"	0,011	0,011	0,047	0,006	0,069	100,00%	183,33%	68,12%
4	Chất dẻo (Plastic) nguyên liệu	"	-	-	0,124	0,059	1,369	-	-	9,06%
5	Cao su	"	-	-	-	0,029	0,75	-	-	-
6	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ	"	6,898	7,227	22,781	6,952	35,222	104,77%	103,96%	64,68%
7	Kim loại thường	"	-	-	-	0,093	0,713	-	-	-
8	Hàng hóa khác	"	1,285	1,183	5,887	0,438	2,772	92,06%	270,09%	212,37%



**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**  
**Tháng 5/2016**

*Đơn vị: %*

Tên ngành	Chính thức tháng 4/2016		Tháng 5/2016			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 5/2016 so với tháng 5/2015
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 3 năm 2016	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 4/2016	So với tháng 5/2015	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>193,64</b>	<b>107,56</b>	<b>199,60</b>	<b>103,57</b>	<b>112,17</b>	<b>107,22</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	48,96	103,44	49,92	102,05	97,97	104,39
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	229,23	109,89	235,72	102,68	115,16	108,50
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	59,20	96,30	65,08	110,91	104,40	101,07
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	136,15	99,36	141,25	103,74	100,31	103,90